

CÁC NƯỚC ĐÔNG BẮC Á ĐƯỢC TRÌNH BÀY TRONG CÁC SÁCH GIÁO KHOA TRUNG HỌC VÀ ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY NHƯ THẾ NÀO

NGUYỄN VĂN KHÁNH (*)

Trong số các quốc gia trên thế giới được trình bày trong hệ thống sách giáo khoa hệ trung học, giáo trình hệ đại học ở Việt Nam, các nước Đông Bắc Á luôn chiếm một vị trí quan trọng. Từ những bài học đầu tiên về lịch sử và địa lý của chương trình lớp 6, những kiến thức căn bản về lịch sử, địa lý, văn hoá của các quốc gia Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc đã được lồng ghép vào trong các bài mang tính khái quát. Trong các năm tiếp theo, các bài chuyên sâu về từng quốc gia đã dần được đưa vào giảng dạy, cung cấp cho học sinh những kiến thức mang tính hệ thống hơn.

Trên cơ sở khảo sát và phân tích định lượng một số bộ sách giáo khoa hệ trung học và giáo trình đại học (chủ yếu là khối ngành khoa học xã hội và nhân văn), bài viết này tập trung tìm hiểu những nét chính về thời lượng và nội dung trình bày về các quốc gia Đông Bắc Á. Tuy nhiên, do bậc học phổ thông ở Việt Nam gồm 12 lớp, trong khi mỗi lớp lại có nhiều loại sách giáo khoa và

sách tham khảo, đồng thời cũng do cấu trúc kiến thức của mỗi môn học, nên chúng tôi sẽ chỉ quan tâm đến loại sách chính là Lịch sử, tiếp đến là Địa lý và Văn học. Tương tự, đối tượng tập trung khảo sát đối với hệ đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp cũng chỉ gồm các sách, giáo trình liên quan đến lịch sử, văn hóa, tộc người... Do đối tượng và phạm vi tìm hiểu tương đối rộng, chúng tôi sẽ kết hợp các phương pháp khảo tả và định lượng nhằm cung cấp những hiểu biết cơ bản về các quốc gia Đông Bắc Á, được thể hiện trong hệ thống các sách giáo khoa và giáo trình chuẩn ở Việt Nam hiện nay.

1. Tri thức về các nước Đông Bắc Á trong sách giáo khoa phổ thông

Có hai điểm cần lưu ý trước khi đi vào các vấn đề cụ thể. Thứ nhất, do đặc thù về kiến thức của từng môn học, trong hệ thống sách giáo khoa phổ thông ở Việt Nam hiện nay, phần trình

(*) GS., TS., Hiệu trưởng Trường Đại học KHXH&NV (Đại học Quốc gia Hà Nội).

bày về các nước Đông Bắc Á chủ yếu nằm trong các sách thuộc khối kiến thức khoa học xã hội, mà cụ thể là ba môn học: Lịch sử, Địa lý và Văn học. Thứ hai, do yêu cầu về sự phù hợp lứa tuổi và khả năng nhận thức nên mặc dù chương trình phổ thông bao gồm 12 lớp, nhưng những kiến thức về các quốc gia Đông Bắc Á chỉ bắt đầu được giới thiệu từ lớp 6 (học sinh ở độ tuổi 12). Vì vậy, đối với mảng sách phổ thông chúng tôi chỉ quan tâm đến đối tượng nằm trong khối Trung học cơ sở – THCS (lớp 6 đến lớp 9) và khối Trung học phổ thông – THPT (lớp 10 đến lớp 12).

Hệ thống sách giáo khoa Lịch sử

Trước khi bắt đầu học Lịch sử như một môn học độc lập từ năm lớp 6, học sinh đã được làm quen với môn Lịch sử và Địa lý kể từ lớp 4 và lớp 5. Tuy nhiên, nội dung của môn học này hết sức giản lược và mang tính kể chuyện về một vài vấn đề lịch sử tiêu biểu. Từ bậc THCS, việc trình bày và giảng dạy lịch sử nói chung, lịch sử thế giới và khu vực Đông Bắc Á nói riêng, bắt đầu được trình bày mang tính hệ thống: lớp 6 học phần cổ đại, lớp 7 học phần trung đại, lớp 8 học phần cận và hiện đại, lớp 9 tiếp phần hiện đại. Bên cạnh đó, hệ thống cấu trúc bài học cũng khá rõ ràng và súc tích. Trong mỗi thời kỳ, ngoài các vấn đề chung còn có các bài hoặc chương mục đi vào từng vùng quốc gia lãnh thổ tiêu biểu. Theo cách trình bày đó, diễn trình lịch sử của các quốc gia Đông Bắc Á cũng được thể hiện một cách căn bản, dù không thực sự liên mạch do hạn chế về thời lượng của môn học. Trong số ba nước Đông Bắc Á, Trung Quốc được trình bày nhiều nhất và hệ thống nhất; Nhật Bản cận đại và hiện đại cũng được

trình bày thành những chương bài riêng, trong khi Hàn Quốc nói riêng và bán đảo Triều Tiên nói chung không được quan tâm trình bày độc lập.

Một đặc điểm dễ nhận thấy khi so sánh nội dung chương trình học môn Lịch sử giữa bậc THCS và THPT là tính lặp lại của cấu trúc chương trình học. Sự lặp lại rõ đến mức đôi khi nó tạo cảm giác là học sinh hệ THPT học lại nguyên vẹn chương trình lịch sử hệ THCS. Ví dụ, phần về lịch sử trung đại (*The middle age*) phương Đông của lớp 7, với các bài về “Trung Quốc thời phong kiến”, “Ấn Độ thời phong kiến”... được lặp lại gần như nguyên vẹn trong chương trình sách giáo khoa Lịch sử lớp 10. Chương trình lịch sử của lớp 8 và lớp 11 cũng tương tự, với những bài về Trung Quốc, Ấn Độ, các nước Đông Nam Á, các nước Phi, Mĩ Latin... thế kỷ XIX-XX. Đến chương trình của hai lớp cuối cấp là lớp 9 và lớp 12 thì cấu trúc nội dung kiến thức của sách Lịch sử có thể nói hoàn toàn lặp lại, từ cách phân kỳ đến nội dung bài học trong mỗi chương (Xem bảng so sánh 1).

Từ Bảng 1 có thể dễ dàng nhận thấy nội dung trình bày chương trình lịch sử thế giới trong hai chương trình Lịch sử lớp 9 và lớp 12 rất giống nhau. Không chỉ thể hiện sự lặp lại trong tiêu đề của chương/bài, các bài học trong mỗi chương hoặc các phần chính trong mỗi bài cũng gần như trùng khớp. Chẳng hạn, trong chương/bài thứ ba về *Mĩ, Nhật Bản, Tây Âu từ năm 1945/sau Chiến tranh thế giới thứ Hai*, các phần được trình bày trong sách Lịch sử lớp 12 gần như lặp lại nguyên vẹn kết cấu bài học đã trình bày trong lớp 9. Các chương/bài khác cũng thể hiện tính lặp lại tương tự.

Bảng 1. So sánh phần trình bày về Lịch sử thế giới trong sách giáo khoa Lịch sử lớp 9 và Lịch sử lớp 12 (1)

Sách giáo khoa Lịch sử lớp 9	Sách giáo khoa Lịch sử lớp 12
Chương I. Liên Xô và các nước Đông Âu sau Chiến tranh thế giới thứ Hai	Bài 1. Liên Xô và các nước Đông Âu sau Chiến tranh thế giới thứ Hai
Chương II. Các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh từ năm 1945 đến nay	Bài 2. Các nước Á, Phi, Mĩ Latinh sau chiến tranh thế giới thứ hai
Chương III. Mĩ, Nhật Bản, Tây Âu từ năm 1945 đến nay	Bài 3. Mĩ, Nhật Bản, Tây Âu sau chiến tranh thế giới thứ hai
Chương IV. Quan hệ quốc tế từ năm 1945 đến nay	Bài 4. Quan hệ quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ hai
Chương V. Cuộc cách mạng khoa học-kỹ thuật từ 1945 đến nay	Bài 5. Sự phát triển của khoa học-kỹ thuật sau Chiến tranh thế giới thứ Hai

Tuy nhiên, cần phải khẳng định một thực tế là, dù kết cấu chương mục có phân lập lại, chiều sâu kiến thức được trình bày cũng như yêu cầu hiểu biết đối với học sinh hệ THCS đã được nâng cao đáng kể trong chương trình lịch sử của hệ THPT, nhưng theo quan sát và phân tích của chúng tôi, các soạn giả

sách giáo khoa của hệ THPT đã lồng ghép thêm nhiều thông tin và dữ kiện lịch sử hơn. Đặc biệt, văn phong và cách trình bày cũng thể hiện chiều sâu, với nhiều lập luận khoa học, và tính logic của các bài học cao hơn, các câu hỏi ôn tập cũng thể hiện chiều sâu hơn để kích thích tư duy sáng tạo của học sinh.

Bảng 2: Số tiết học về lịch sử Đông Bắc Á trong môn Lịch sử hệ trung học cơ sở và trung học phổ thông (1,2) (*)

	Tổng số tiết LS		LS Thế giới		LS phương Đông		LS Đông Bắc Á		Ghi chú
	Số tiết	%	Số tiết	%	Số tiết	%	Số tiết	%	
Lớp 6	30	100	5	16,6	1	3,3	0	0	Phần cổ đại
Lớp 7	71	100	9	12,6	2	2,8	2 ^(a)	2,8	Phần trung đại
Lớp 8	47	100	34	72,3	7	14,8	3 ^(b)	6,3	Phần cận-hiện đại
Lớp 9	46	100	14	30,4	6	13	1 ^(c)	2,1	Phần hiện đại
Lớp 10	47	100	31	65,9	6	12,7	2 ^(d)	4,2	Phần cổ-cận đại
Lớp 11	30	100	22	73,3	- ^(e)	-	2 ^(f)	6,6	Phần cận-hiện đại
Lớp 12	59	100	19	32,2	7	11,8	1 ^(g)	1,6	Phần hiện đại

(*) *Chú thích:*

(a): Về lịch sử Trung Quốc trung đại

(b): 02 tiết về Nhật Bản (thế kỷ XIX-XX, giai đoạn 1918-1939), 01 tiết về Trung Quốc thế kỷ XIX-XX

(c): 01 tiết về Nhật Bản sau năm 1945

(d): Trung Quốc phong kiến

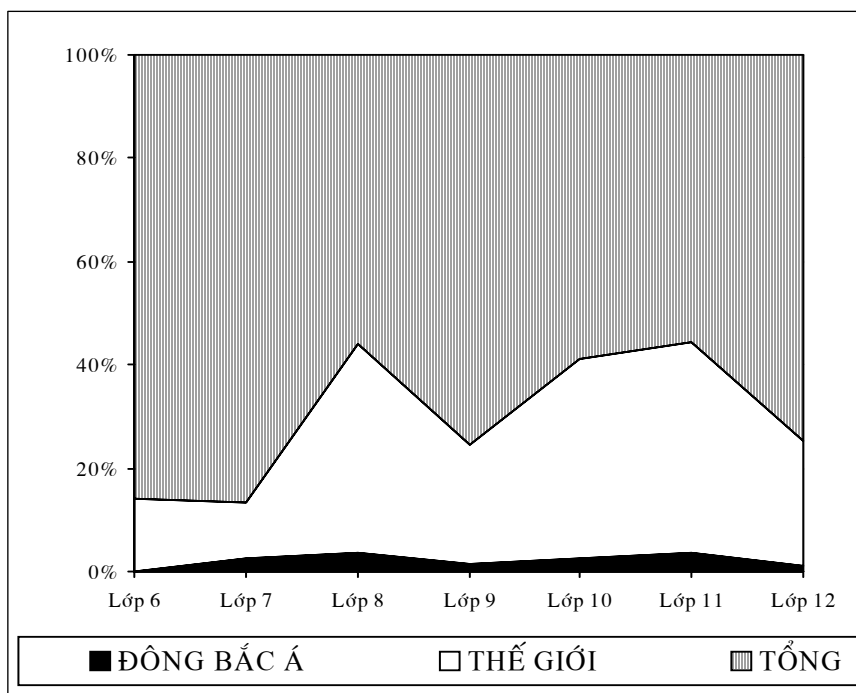
(e): Sách giáo khoa không chia tiết

(f): Chúng tôi ước lượng khoảng 01 tiết về Trung Quốc và 01 tiết về Nhật Bản.

(g): Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới lần thứ Hai.

Một đặc điểm nữa là dụng ý của các nhà biên soạn sách giáo khoa trong việc phân bổ khối lượng kiến thức lịch sử thế giới nói chung cho các năm học. Qua Bảng 2 cho thấy học sinh lớp 8 và lớp 11 được trang bị khối lượng kiến thức lịch sử thế giới tương đối nhiều (lớp 8: 72,3% thời lượng môn Lịch sử; lớp 11: 73,3% thời lượng môn Lịch sử), trong khi các năm còn lại chỉ dao động từ 12% đến 32%. Dụng ý này chủ yếu xuất phát từ yêu cầu thực tế phải chuẩn bị kiến thức cho việc thi tốt nghiệp của học sinh lớp 9 và lớp 12, cũng như thi tuyển sinh đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp. Do nội dung thi tập trung chủ yếu vào phần lịch sử hiện đại (cả thế giới và Việt Nam) nên chương trình lịch sử cổ-trung-cận đại bị nén vào nội dung học của ba lớp 6,7,8 và hai lớp 10, 11.

Biểu đồ 1: Phân bố thời lượng giảng dạy về Đông Bắc Á trong sách giáo khoa Lịch sử hệ trung học cơ sở và trung học phổ thông (nguồn: như Bảng 2)



Là một bộ phận trong chương trình lịch sử thế giới, phần về các nước Đông Bắc Á cũng được trình bày xen kẽ qua các thời kỳ. Tuy nhiên, nếu không kể đến những phần đề cập có tính gián tiếp về khu vực Đông Bắc Á trong các bài mang tính tổng luận, thì thời lượng dạy chuyên về các quốc gia Đông Bắc Á còn tương đối khiêm tốn. Biểu đồ 1 cho thấy một thực tế là, cho đến chương trình sách giáo khoa năm 2007, thời lượng trung bình dành cho việc giảng dạy lịch sử các quốc gia Đông Bắc Á chỉ chiếm trung bình 3,3%. Đối với hai lớp 8 và 11 - hai lớp có thời lượng học về lịch sử thế giới tương đối cao - thời lượng dành cho các quốc gia Đông Bắc Á cũng chỉ chiếm là 6,3% và 6,6%. Ngoài ra, cũng nhấn mạnh một thực tế là trong tổng số tiết học về lịch sử Đông Bắc Á, thời lượng chủ yếu dành cho lịch sử Trung Quốc từ cổ đại đến hiện đại (khoảng 65% thời lượng), còn lại là lịch sử Nhật Bản cận và hiện đại (khoảng 35% thời lượng).

Nếu tính chi tiết tần số xuất hiện trong sách lịch sử thế giới của 3 năm học hệ THCS, thi Trung Quốc và Nhật Bản chỉ được trình bày độc lập 2 lần. Trong khi Trung Quốc được giới thiệu từ thời cổ đại đến hiện đại, lịch sử Nhật Bản lại chủ yếu được trình bày từ thời cận đại đến ngày nay, tập trung

nhất là vào hai chủ đề *Minh Trị Duy tân và vai trò của Nhật Bản trong sự phát triển của khoa học kỹ thuật thế kỷ XX*. Chương trình lịch sử Đông Bắc Á của hệ THPT cũng có diễn biến tương tự như vậy. Theo khảo sát của chúng tôi, chương trình sách giáo khoa Lịch sử phổ thông ở Việt Nam hiện nay chưa có bài trình bày riêng về lịch sử Hàn Quốc. Những đề cập về Hàn Quốc nói riêng và Triều Tiên nói chung thường mang tính gián tiếp, xuất hiện xen kẽ trong các bài giới thiệu khái quát, chẳng hạn về phương Đông cổ trung đại hoặc về các thành tựu khoa học kỹ thuật của thế giới thế kỷ XX...

Nếu so sánh bộ sách giáo khoa Lịch sử THPT hiện nay với chương trình

sách giáo khoa Lịch sử THPT trước cải cách (cụ thể là bộ sách năm 1986 do Nhà xuất bản Giáo dục ấn hành), thì thời lượng dành cho lịch sử Đông Bắc Á không những không tăng lên mà thậm chí còn giảm đi chút ít so với tổng thời lượng trình bày của môn học Lịch sử. Những con số từ Bảng 3 cho thấy, chương trình Lịch sử THPT lúc đó (thời điểm đó gọi là phổ thông trung học hay cấp III) dành trung bình 4,9% thời lượng môn học trình bày về lịch sử các quốc gia Đông Bắc Á (cụ thể: sách xuất bản ở miền Bắc dành 6,3%, sách xuất bản ở miền Nam dành 3,5%) (xem Bảng 3). Trong khi đó, sách giáo khoa bậc THPT hiện nay chỉ dành trung bình 4,13% thời lượng trình bày về các quốc gia Đông Bắc Á (xem Bảng 2).

Bảng 3: Số bài học về lịch sử Đông Bắc Á trong môn Lịch sử hệ trung học phổ thông năm 1986 (thời điểm chưa thực hiện cải cách giáo dục) ^(*)

	Tổng số bài LS		LS Thế giới		LS phương Đông		LS Đông Bắc Á		Ghi chú
	Số bài	%	Số bài	%	Số bài	%	Số bài	%	
Lớp 10 MN	29	100	29	100	7	24,1	2 ^(a)	6,8	Phần cổ đại-hiện đại
Lớp 10 MB	33	100	33	100	8	24,2	5 ^(b)	15,1	Phần cổ đại-hiện đại
Lớp 11 MN	27	100	11	40,7	2	7,4	1 ^(c)	3,7	Phần hiện đại
Lớp 11 MB	25	100	9	36,0	2	8,0	1 ^(d)	4,0	Phần hiện đại
Lớp 12 MN	30	100	0	0	0	0	0	0	
Lớp 12 MB	32	100	0	0	0	0	0	0	

MN: sách giáo khoa xuất bản ở miền Nam; MB: sách giáo khoa xuất bản ở miền Bắc

(*) Chú thích:

(a): 01 bài về lịch sử Trung Quốc cổ đại; 01 bài về Trung Quốc phong kiến.

(b): 01 bài về lịch sử Trung Quốc cổ đại; 01 bài về Trung Quốc phong kiến; 01 bài về Trung Quốc (và Ấn Độ) trước sự xâm lược của phương Tây; 01 bài về Trung Quốc cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX; 01 bài về Nhật Bản thời kỳ Minh Trị Duy tân.

(c): 01 bài về Trung Quốc giai đoạn 1919-1960.

(d): 01 bài về Trung Quốc giai đoạn 1919-1960.

Một điểm đáng lưu ý là những con số so sánh về chương trình lịch sử Đông Bắc Á ở hệ THPT trước và sau cải cách chỉ dùng để tham khảo bởi vì bản thân các số liệu này chưa nói lên được gì nhiều về nội dung trình bày lịch sử các quốc gia khu vực qua các thời kỳ khác nhau. Có một thực tế cần được chỉ ra là, nhìn chung, số lượng các môn học ở bậc học phổ thông hiện nay phong phú hơn trước đây, nhất là giai đoạn trước cải cách, nên việc mở rộng thời lượng các môn học luôn cần được cân nhắc kỹ lưỡng, đó là chưa kể đến vấn đề phân bổ thời lượng cho các môn học chính và phụ. Ngoài ra, trên phương diện nội dung của chương trình học, nội dung các bài giảng của sách giáo khoa môn Lịch sử hiện nay chứa đựng nhiều thông tin hơn và các kết quả nghiên cứu cũng được cập nhật thường xuyên hơn. Chính vì thế, dù số lượng tiết học lịch sử nói chung và lịch sử Đông Bắc Á nói riêng tăng lên không nhiều so với chương trình trước cải cách, nhưng chất lượng bài giảng đã được nâng lên rõ rệt.

Hệ thống sách Địa lý và Văn học

Một đặc điểm nổi bật của hệ thống sách giáo khoa môn Địa lý hệ THCS là tính chất khái quát tương đối cao về các vấn đề chung của địa lý học Trái đất (lớp 6), các môi trường địa lý ở đới nóng, đới ôn hòa, đới lạnh... (lớp 7), về thiên nhiên và con người ở các châu lục (lớp 7 và 8). Xen kẽ các phần chung về địa lý thế giới là những phần liên hệ về địa lý tự nhiên và địa lý kinh tế-xã hội Việt Nam (lớp 8 và lớp 9). Do đặc điểm lồng ghép kiến thức nói trên nên các phần địa lý tự nhiên và kinh tế-xã hội của các quốc gia Đông Bắc Á như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc cũng được trình

bày đan xen nhau. Ví dụ, sách Địa lý lớp 8 dành 2 trong tổng số 21 bài về địa lý tự nhiên và địa lý các châu lục để trình bày về đặc điểm tự nhiên và tình hình phát triển kinh tế-xã hội của các nước Đông Bắc Á.

Chương trình Địa lý THPT có những bổ sung đáng kể về khu vực Đông Bắc Á. Các sách giáo khoa môn Địa lý lớp 10 tiếp tục giới thiệu sâu hơn về địa lý tự nhiên và xã hội thế giới nói chung (bản đồ; vũ trụ - hệ quả các chuyển động của trái đất; cấu trúc của trái đất - các quyển của lớp vỏ địa lý; địa lý dân cư; cơ cấu nền kinh tế; địa lý công nghiệp; địa lý dịch vụ; môi trường và sự phát triển bền vững). Địa lý lớp 11 cung cấp cho học sinh một cái nhìn khái quát về nền kinh tế - xã hội thế giới, đồng thời đi sâu tìm hiểu địa lý của một số quốc gia và khu vực chính. Điều đáng lưu ý là, trong số 7 khu vực và quốc gia được trình bày, Nhật Bản và Trung Quốc chiếm tới hai bài riêng biệt. Phần viết về Nhật Bản (3 tiết) và Trung Quốc (3 tiết) tương đối chi tiết, cung cấp cho học sinh những vấn đề tương đối cập nhật về tự nhiên, dân cư và tình hình phát triển kinh tế; các ngành kinh tế và các vùng kinh tế... của hai quốc gia lớn Đông Bắc Á. Hàn Quốc không được trình bày thành bài riêng nhưng được lồng ghép và đề cập trong một số bài khái quát. Tương tự như trường hợp sách giáo khoa Lịch sử, sách giáo khoa Địa lý của hai lớp cuối cấp là lớp 9 và lớp 12 đều tập trung vào địa lý kinh tế-xã hội Việt Nam để phục vụ thi tốt nghiệp và thi tuyển sinh vào đại học và cao đẳng.

Với sách giáo khoa môn Văn học, từ hệ THCS đến THPT, học sinh đều được

giới thiệu về các giá trị văn học của Trung Quốc (thơ Đường, văn học Trung Quốc hiện đại...). Trong số các tác phẩm văn học nước ngoài được giới thiệu trong sách giáo khoa Văn học, văn học Trung Quốc không chỉ chiếm số lượng nhiều nhất mà còn được trình bày tương đối có hệ thống, gọi cho học sinh một diễn trình lịch sử tương đối về sự phát triển văn học Trung Quốc. Trong khi đó, văn học Nhật Bản chỉ được giới thiệu một lần duy nhất trong phần đọc thêm lớp 12 với tác phẩm “Thủy nguyệt” của tác giả Kaoabata; còn văn học Hàn Quốc chưa được giới thiệu trong chương trình sách giáo khoa Văn học tại Việt Nam.

3. Các nước Đông Bắc Á trong các giáo trình Lịch sử ở bậc đại học

Nếu sách giáo khoa các hệ phổ thông mang tính phổ cập dưới hình thức sách chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo được phát hành và sử dụng trên toàn

quốc, thì giáo trình Lịch sử dùng trong các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp tương đối đa dạng, tùy thuộc vào lĩnh vực chuyên môn của mỗi đơn vị đào tạo. Cho đến nay, một số trường không chuyên về lịch sử cũng đưa môn lịch sử vào giảng dạy như một môn học bổ trợ. Tuy nhiên, với những đơn vị này, đối tượng quan tâm thường là môn *Tiến trình lịch sử Việt Nam*. Ngoài ra, môn *Lịch sử văn minh thế giới* (có 1/8 nội dung về văn minh Trung Quốc) cũng ngày càng được giảng dạy rộng rãi trong các trường đại học. Quan trọng nhất trong số các giáo trình về lịch sử thế giới hiện nay là bộ *Lịch sử thế giới* gồm 4 tập do Nhà xuất bản Giáo dục ấn hành và liên tục tái bản từ khoảng năm 1999 đến nay. Trên cơ sở quan sát bộ giáo trình nói trên, chúng tôi xin có mấy lưu ý (qua Bảng 4 và Biểu đồ 2) dưới đây:

Bảng 4: Số bài/chương về lịch sử Đông Bắc Á trong giáo trình Lịch sử thế giới dùng trong các trường đại học hiện nay (*)

	Tổng số bài/chương		LS phương Đông		LS Đông Bắc Á	
	Số tiết	%	Số tiết	%	Số tiết	%
Tập 1 (LSTG cổ đại)	7	100	4	57,1	1 ^(a)	14,2
Tập 2 (LSTG trung đại)	17	100	6	35,2	4 ^(b)	23,5
Tập 3 (LSTG cận đại)	27	100	14	51,8	3 ^(c)	11,1
Tập 4 (LSTG hiện đại)	18	100	3	16,6	0 ^(d)	0

(*) Chú thích:

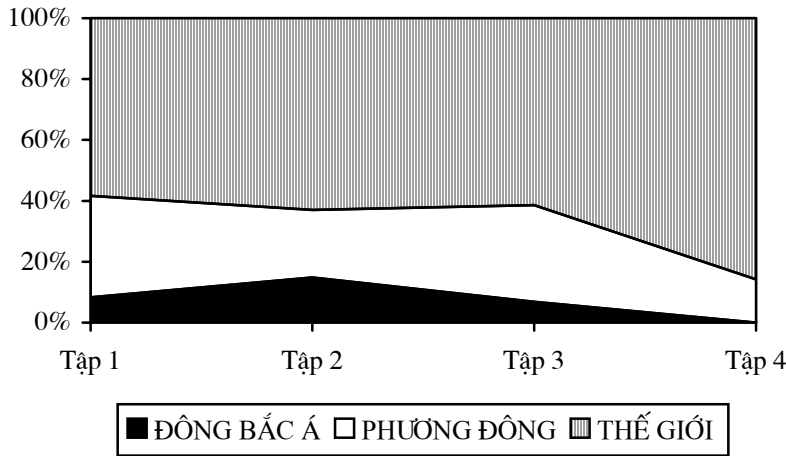
(a): Về lịch sử cổ đại Trung Quốc

(b): Về lịch sử trung đại Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên, Mông Cổ

(c): Về lịch sử cận đại Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên

(d): Lịch sử thế giới hiện đại được các tác giả trình bày theo vấn đề

Biểu đồ 2: Phân bố bài/chương về Đông Bắc Á trong bộ giáo trình Lịch sử thế giới dùng trong các trường đại học từ năm 1999 đến nay (tính toán từ bảng 4)



Bảng 4 cho thấy mặc dù tỉ lệ các bài chuyên đề về lịch sử Đông Bắc Á trong tương quan với các bài về lịch sử phương Đông không nhiều hơn, nhưng so với chương trình lịch sử giai đoạn phổ thông, nội dung chương trình lịch sử thế giới nói chung và lịch sử khu vực Đông Bắc Á nói riêng của bậc đại học được trình bày chuyên sâu hơn. Nội dung các chương về Trung Quốc và Nhật Bản qua các thời kỳ lịch sử đầy đủ hơn. Đặc biệt, lần đầu tiên lịch sử cận đại Triều Tiên được đưa vào giảng dạy với tư cách một chương độc lập. Bên cạnh đó, cũng phải kể đến việc đề cập khá thường xuyên về lịch sử và văn hoá Triều Tiên nói chung, Hàn Quốc nói riêng giai đoạn cổ-trung đại và hiện đại trong các bài tổng quan về lịch sử Đông Bắc Á.

Ngoài ra, cũng cần phải lưu ý là ngoài các bộ giáo trình mang tính đại cương nói trên, còn có một số giáo trình chuyên đề về lịch sử Đông Bắc Á dành

cho sinh viên chuyên ngành lịch sử thế giới. Đó là chưa kể các chuyên khảo, sách tham khảo, các chuyên luận của các cán bộ nghiên cứu, các giáo sư, giảng viên thuộc chuyên ngành Lịch sử

thế giới, cũng như các ngành Nhật Bản học, Trung Quốc học, Hàn Quốc học, Đông Phương học ở các viện, trung tâm, các trường đại học ở Hà Nội, Huế và thành phố Hồ Chí Minh...

Việc trình bày các nước trên thế

giới nói chung và các quốc gia khu vực Đông Bắc Á nói riêng trong hệ thống sách giáo khoa và giáo trình của các trường phổ thông, cao đẳng và đại học Việt Nam trong khoảng nửa thế kỷ qua đã trải qua nhiều thay đổi, chỉnh lý và bổ sung. Mặc dù thời lượng dành cho nội dung này không tăng thêm nhiều, nhưng một nét chung dễ nhận thấy là các soạn giả ngày càng thể hiện sự quan tâm của mình trong việc cập nhật kiến thức mới khi trình bày về các nước trên thế giới, nhất là các nước thuộc khu vực Đông Bắc Á như Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc – những nước không chỉ gần gũi với Việt Nam về mặt địa lý mà còn có nhiều nét tương đồng về văn hóa và lịch sử, nhất là đã có mối quan hệ bang giao với nhau từ rất sớm.

Trên con đường hội nhập và phát triển đất nước, việc quan tâm giáo dục cho học sinh và sinh viên về lịch sử, văn hóa cũng như các khía cạnh cơ bản về

kinh tế, xã hội, ngoại giao... của ba quốc gia khu vực Đông Bắc Á nói trên có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc: Trung Quốc có mối quan hệ chặt chẽ với lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, còn Nhật Bản và Hàn Quốc hiện đang là một trong số những quốc gia có đầu tư lớn vào Việt Nam. Thêm vào đó, ba quốc gia nói trên cùng với Việt Nam đang mong muốn tiến tới xây dựng một cộng đồng Đông Á trong xu thế toàn cầu hoá.

Bởi vậy, trong thời gian tới khi tiến hành biên soạn lại hoặc chỉnh sửa các sách giáo khoa nói trên cần tăng thêm thời lượng về lịch sử, văn hoá, địa lý tự nhiên và xã hội... của các quốc gia Đông Bắc Á, nhằm góp phần bổ sung các tri thức về các quốc gia trong khu vực. Chẳng hạn, có thể đưa thêm bài giảng về lịch sử, văn hoá Triều Tiên và Hàn Quốc trong chương trình THPT; còn giáo trình lịch sử thế giới ở bậc đại học cũng cần tăng thêm nội dung và thời lượng về lịch sử Đông Bắc Á. Ngoài ra, bên cạnh việc diễn giải, phân tích, nên bổ sung các sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh minh họa để tăng thêm tính hấp dẫn của phần trình bày đối với học sinh và sinh viên.

Nhưng để có thể thực hiện hiệu quả được điều này, cần tăng cường sự trao đổi thường xuyên giữa các nhà quản lý giáo dục, các nhà khoa học, nhất là các soạn giả sách giáo khoa của các nước Đông Bắc Á trên tinh thần chia sẻ, hợp tác và hữu nghị.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ sách giáo khoa môn *Lịch sử* lớp 6 – 12. H.: Giáo dục, 2006-2007.
2. Bộ sách dành cho giáo viên môn *Lịch sử* lớp 6 – 12. H.: Giáo dục, 2006-2007.
3. Bộ sách giáo khoa môn *Địa lý* lớp 6 – 12. H.: Giáo dục, 2007.
4. Bộ sách dành cho giáo viên môn *Địa lý* lớp 6 – 12. H.: Giáo dục, 2007.
5. Bộ sách giáo khoa *Văn học* lớp 12. H.: Giáo dục, 2007.
6. Bộ giáo trình *Lịch sử thế giới* (4 tập), H.: Giáo dục, 1999-2006.
7. Vũ Dương Ninh. Giảng dạy lịch sử thế giới trong tiến trình hội nhập quốc tế. Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 2, 2005.
8. Trần Thị Vinh. Hội nhập khu vực về nghiên cứu và giảng dạy lịch sử Đông Nam Á: vấn đề đặt ra cho các trường đại học Việt Nam. Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 1, 2004.
9. Nguyễn Thị Côi. Hiệu quả dạy học lịch sử ở trường phổ thông: thực trạng và giải pháp. Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 7, 2005.
10. Võ Xuân Đàn. Những vấn đề kinh tế – văn hóa trong sách giáo khoa lịch sử trường phổ thông. Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 6, 2004.
11. Nguyễn Văn Kim. Chính sách đóng cửa của Nhật Bản thời kỳ Tokugawa: Nguyên nhân và hệ quả, H.: Thế giới, 2000.